

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị

Kính gửi:

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số 168/UBND-TM ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Văn bản số 2499/UBND-TM ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa chữa trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 30/09/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc bố trí kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 04/08/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị;

Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

- 1. Tên công trình:** Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị
- 2. Tổng mức đầu tư:** 1.494.412.200 đồng
- 3. Tên chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị.
- 4. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh.
- 5. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020-2021.
- 6. Địa điểm xây dựng:** Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- 7. Nội dung và quy mô đầu tư:**

7.1. Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc:

7.1.1. Cải tạo nhà làm việc:

* Quy mô: Nhà 03 tầng, tổng diện tích 720m².

* Giải pháp thiết kế chính:

- Cải tạo khu vệ sinh: Phá dỡ lớp gạch nền xi măng, gạch ốp tường trong và trần thạch cao bị hư hỏng các tầng; Lát lại nền, Tháo dỡ thay mới một số thiết bị vệ sinh tại khu vệ sinh các tầng và các phụ kiện kèm theo.

- Cải tạo nền: Tháo dỡ gạch nền phòng, hành lang các tầng và lát lại nền bằng gạch granit.

- Cải tạo chống thấm mái: Đục bỏ lớp vữa trát mái, vệ sinh sạch sẽ, láng lại bằng vữa xi măng, quét phụ gia chống thấm theo quy phạm. Thay mới một số thoát nước mái khu vực thoát phòng hội trường.

- Cải tạo cửa: Hệ thống cửa đi, cửa sổ tháo dỡ hoa sắt, xả nhám và sơn lại cửa gỗ màu 03 nước. Tháo dỡ một số vách kính, cửa kính cường lực, khung nhôm; Thay mới toàn bộ khóa cửa đi các phòng làm việc.

- Cải tạo bậc cấp, lan can: Tháo dỡ gạch, đá ốp lát bậc tam cấp, bậc cấp cầu thang và ốp, lát lại bằng đá granit tự nhiên; Tháo dỡ và lắp dựng mới lan can bằng Inox hành lang tầng 3.

- Sơn tường: Một số vị trí tường nhà ốp gạch men bị hư hỏng được tháo dỡ và trát lại bằng vữa xi măng. Các tường trong tường ngoài, trần nhà còn lại được cạo bỏ lớp sơn cũ và sơn lại toàn bộ.

- Cải tạo công tường rào: trụ cổng hiện có ốp mới đá granit tự. Cánh cổng, chông thép hình mũi giáo được đánh sạch sơn, gỉ sét và sơn mới. Tường rào ô thoáng được cạo sạch lớp cũ, sơn mới lại.

7.2. Cải tạo, sửa chữa nhà đón tiếp đồng bào dân tộc thiểu số:

* Quy mô: Nhà 2 tầng, tổng diện tích 264m².

* Giải pháp thiết kế chính:

- Cải tạo mái: Tháo dỡ và thay mới toàn bộ mái bằng tôn sóng vuông, ke chống bão; Đục bỏ lớp vữa xi măng sê nô mái bị bong rộp, vệ sinh sạch, quét phụ gia chống thấm theo quy phạm, la láng lại bằng vữa xi măng.

- Cải tạo khu vệ sinh: Phá dỡ lớp gạch nền, gạch ốp tường. Ốp, lát lại nền, tường; Tháo dỡ và thay mới một số thiết bị vệ sinh và các phụ kiện đồng bộ kèm theo.

- Cải tạo cửa: Hệ thống cửa đi, cửa sổ tháo dỡ hoa sắt, xả nhám và sơn lại cửa gỗ, hoa sắt

- Sơn tường: Toàn bộ tường trong, tường ngoài, trần nhà được cạo bỏ sơn cũ

và sơn lại toàn bộ.

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Khảo sát đo vẽ hiện trạng	Công ty Cổ phần kiến +	2.942.700
2	Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Công ty Cổ phần kiến +	77,311,000
3	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Sở xây dựng	130.000
4	Thẩm định thiết kế + dự toán công trình	Sở xây dựng	1.798.000
Tổng giá trị thực hiện			82.181.700

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	Ban QLDA DD&CN tỉnh	36.326.000
2	Thẩm định HSMT, HSYC	Ban QLDA DD&CN tỉnh	1.000.000
3	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Ban QLDA DD&CN tỉnh	1.000.000
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	Sở Tài chính	7.775.000
5	Dự phòng		69.600.500
Tổng giá trị thực hiện			115.701.500

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 3

TT	Tên và số hiệu gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng	5.260.000	Ngân sách tỉnh	Tự thực hiện	-	Quý IV/2021	-	20 ngày
2	Gói thầu số 02: Thi công xây dựng công trình	1.217.500.000		Chào hàng cạnh tranh, qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý IV/2021	Trọn gói	60 ngày
3	Gói thầu số 03: Tư vấn giám sát thi công xây dựng	39.995.000		Chỉ định thầu rút gọn	-	Quý IV/2021	Trọn gói	Theo thời gian thi công
4	Gói thầu số 04: Bảo hiểm công trình	974.000		Chỉ định thầu rút gọn	-	Quý IV/2021	Trọn gói	Theo thời gian thi công + 12 tháng bảo hành
Tổng giá trị các gói thầu		1.296.529.000						

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Phân chia KHLCNT các gói thầu thành 04 gói thầu được căn cứ vào tính chất, nội dung và phạm vi công việc, trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật cần thực hiện có tính độc lập nhau, bảo đảm khi tổ chức đấu thầu và thực hiện hợp đồng phù hợp với tiến độ chung của dự án.

b) Giá gói thầu: Giá gói thầu được lập trên cơ sở Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 04/08/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị.

c) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu được lập phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, nguồn vốn bố trí cho dự án.

e) Loại hợp đồng: Tất cả các gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu hiện hành.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng: Được xác định cụ thể, phù hợp với tiến độ thực hiện nội dung công việc của gói thầu. Phù hợp với thời gian thực hiện dự án tại Quyết định 2116/QĐ-UBND ngày 04/08/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Không.

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	82.181.700
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	115.701.500
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	1.296.529.000
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	0
Tổng giá trị các phần công việc		1.494.412.200
Tổng mức đầu tư đã phê duyệt		1.494.412.200

VI. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phan Văn Thắng